

SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN KHOA ĐIỀU DƯỠNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI, NĂM 2025

Nguyễn Thu Hiền✉, Phan Thị Dung

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Điều dưỡng (Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội) năm 2025 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến mức độ hài lòng.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 95 sinh viên ngành Điều dưỡng từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 05/2025. Công cụ khảo sát được xây dựng dựa trên bộ câu hỏi UNSASS đã được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0, sử dụng các thống kê mô tả và kiểm định để xác định sự khác biệt giữa các nhóm đặc điểm cá nhân.

Kết quả: Kết quả nghiên cứu cho thấy 86,3% sinh viên Điều dưỡng hài lòng chung với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Trong các nhóm nội dung khảo sát, tỷ lệ hài lòng cao nhất thuộc về nhóm "thái độ và hỗ trợ sinh viên" (88,4%), tiếp theo là "năng lực chuyên môn và sự phạm" (87,4%), "đánh giá và phản hồi", và "giao tiếp - tiếp nhận ý kiến" đều đạt 86,3%. Các tiêu chí cụ thể như: giảng viên có trình độ chuyên môn cao, tạo động lực học tập, nhiệt tình hỗ trợ, phản hồi chi tiết, được sinh viên đánh giá cao, với phần lớn người học chọn mức độ "rất hài lòng". Phân tích mối liên quan cho thấy hai yếu tố cá nhân có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến sự hài lòng là tuổi ($p = 0,034$) và việc làm thêm ngoài giờ ($p < 0,05$). Sinh viên dưới 20 tuổi và sinh viên có đi làm thêm ngoài giờ có tỷ lệ hài lòng cao hơn so với các nhóm còn lại.

Kết luận: Phần lớn sinh viên điều dưỡng hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Điều dưỡng, đặc biệt ở các tiêu chí về năng lực chuyên môn và thái độ giảng dạy. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao chất lượng đào tạo tại nhà trường.

Từ khóa: Sự hài lòng của sinh viên, hoạt động giảng dạy, điều dưỡng.

ABSTRACT

¹Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thu Hiền, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Email: hienthunguyen1808@gmail.com

Ngày gửi bài: 10/7/2025; Ngày nhận xét: 11/8/2025; Ngày duyệt bài: 26/8/2025

<https://doi.org/10.54804/yhthvb.4.2025.461>

Objective: To evaluate the satisfaction of nursing students with the teaching activities of lecturers at the Faculty of Nursing, Hanoi University of Business and Technology in 2025, and to identify some factors related to the level of satisfaction.

Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 95 nursing students from first to fourth year at Hanoi University of Business and Technology, from January to May 2025. The survey instrument was developed based on the UNSASS questionnaire, adapted to the Vietnamese context. Data were processed using SPSS version 20.0, with descriptive statistics and tests applied to determine differences between demographic groups.

Results: Results showed that 86.3% of nursing students were generally satisfied with the teaching activities of their lecturers. Among the content areas surveyed, the highest satisfaction rate was in the group "attitude and student support" (88.4%), followed by "professional competence and pedagogy" (87.4%), while "assessment and feedback" and "communication - responsiveness" both reached 86.3%. Specific criteria such as lecturers' high level of expertise, motivation encouragement, willingness to support, and detailed feedback were rated very highly, with the majority of students selecting "very satisfied." Analysis of related factors indicated that two personal characteristics were statistically associated with satisfaction: age ($p = 0.034$) and part-time work status ($p < 0.05$). Students under 20 years old and those with part-time jobs had higher satisfaction rates compared to other groups.

Conclusion: Most nursing students were satisfied with the teaching activities of lecturers at the Faculty of Nursing, especially regarding professional competence and teaching attitude. The findings provide practical evidence to support quality improvement in nursing education at the university.

Keywords: Student satisfaction, teaching activities, nursing

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành Điều dưỡng giữ vai trò thiết yếu trong hệ thống y tế, đảm nhiệm chức năng chăm sóc sức khỏe người bệnh một cách toàn diện và liên tục. Trong bối cảnh chất lượng dịch vụ y tế ngày càng được chú trọng, yêu cầu về năng lực chuyên môn và kỹ năng thực hành của Điều dưỡng viên cũng ngày càng cao [2], [6]. Do đó, hoạt động giảng dạy trong các cơ sở đào tạo Điều dưỡng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên.

Sự hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy là một chỉ báo quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo, đồng thời là một tiêu chí trong đánh giá kiểm định

chất lượng giáo dục đại học. Mức độ hài lòng này không chỉ thể hiện cảm nhận cá nhân mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và sự phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [4].

Mặc dù các cơ sở giáo dục đã có nhiều đổi mới trong phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, môi trường học tập... nhưng mức độ hài lòng của sinh viên Điều dưỡng vẫn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sâu để có cơ sở cải tiến phù hợp [2]. Tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, ngành Điều dưỡng được đào tạo từ năm 2017, song chưa có nghiên cứu chính thức nào đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả mức độ hài lòng của sinh viên ngành điều dưỡng về hoạt động giảng dạy của giảng viên và xác định một số yếu tố liên quan, từ đó cung cấp cơ sở thực tiễn góp phần cải tiến chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng tại nhà trường.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành Điều dưỡng từ năm thứ nhất đến năm thứ tư đang theo học tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025.

* **Tiêu chuẩn lựa chọn**

Sinh viên có tinh thần ổn định, không gặp các vấn đề nghiêm trọng về tâm lý, có khả năng đọc viết, đồng ý tham gia nghiên cứu.

* **Tiêu chuẩn loại trừ**

Sinh viên bảo lưu kết quả học tập, từ chối tham gia, hoặc không trả lời đầy đủ các câu hỏi trong bảng khảo sát.

* **Cỡ mẫu nghiên cứu**

Sử dụng công thức ước lượng một tỉ lệ cho nghiên cứu cắt ngang:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \cdot p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu tối thiểu dành cho nghiên cứu.

Z: Trị số phân phối chuẩn, khoảng tin cậy 95% thì $Z_{1-\alpha/2}=1,96$.

α : Xác suất sai lầm loại 1 ($\alpha = 0,05$).

d: Sai số ước tính, chọn $d = 0,1$ (10%).

$p = 0,7568$ là tỷ lệ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy theo nghiên cứu của Đoàn Minh Nhựt là 75,68% [10].

Thay vào công thức trên, cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu là 71 sinh viên. Thực tế nghiên cứu chúng tôi thực hiện trên 95 sinh viên.

* **Phương pháp chọn mẫu**

Áp dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ, tức là lựa chọn tất cả sinh viên đang theo học năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư ngành Điều dưỡng tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội tại thời điểm khảo sát, nếu các sinh viên này đáp ứng tiêu chí chọn mẫu và đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

* **Thiết kế nghiên cứu**

Thiết kế nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang

* **Công cụ thu thập số liệu**

Công cụ khảo sát được xây dựng dựa trên thang đo UNSASS, đã được Nguyễn Quân (2023) sử dụng và điều chỉnh phù hợp với ngữ cảnh Việt Nam, với độ tin cậy Cronbach's alpha là 0,95 [7], đồng thời tham khảo thêm nghiên cứu của Nguyễn Bích Như (2022) [5]. Bộ công cụ đã được khảo sát thử nghiệm sơ bộ trên 30 sinh viên năm 3 và năm 4 để đảm bảo tính khả thi.

* **Phương pháp thu thập số liệu**

Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự điền, phát trực tiếp tại lớp học vào các buổi học lý thuyết hoặc sinh hoạt chuyên đề, với sự hỗ trợ của giảng viên chủ nhiệm và ban cán sự lớp nhằm đảm bảo đủ số lượng và hạn chế bỏ sót đối tượng. Trước khi khảo sát, nhóm nghiên cứu giới thiệu rõ mục tiêu nghiên cứu, nguyên tắc bảo mật và quyền tự nguyện tham gia. Sinh viên được khuyến khích không ghi tên vào phiếu để đảm bảo tính ẩn danh. Phiếu khảo sát được điền ngay tại lớp trong khoảng 15 - 20 phút.

* **Phương pháp đánh giá biến số**

Biến số hài lòng được đo lường bằng thang đo UNSASS (Undergraduate Nursing Students' Academic Satisfaction Scale) gồm 20 mục, chia thành 4 nhóm tiêu chí: (1) Năng lực chuyên môn và sự phạm của giảng viên, (2) Thái độ và hỗ trợ sinh viên, (3) Phản hồi và khích lệ học tập, (4) Giao tiếp và tiếp nhận ý kiến từ khoa.

Thang đo được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh Việt Nam dựa trên nghiên cứu của Nguyễn Bích Như (2022) [5] và Nguyễn Quân (2023) với hệ số Cronbach's alpha là 0,95 [7].

Mỗi tiêu chí trong thang đo được chấm theo thang điểm Likert 5 mức độ :

1 - hoàn toàn không hài lòng; 2 - không hài lòng; 3 - bình thường; 4 - Hài lòng; 5 - hoàn toàn hài lòng.

Với từng tiêu chí cụ thể, các lựa chọn từ mức 4 đến 5 được quy ước là "hài lòng", các mức từ 1 đến 3 được quy ước là "chưa hài lòng". Mức độ hài lòng chung của sinh viên được phân loại dựa theo giá trị trung bình của thang đo, với điểm cắt là 3. Sinh viên hài lòng với chương trình đào

tạo khi giá trị trung bình của thang đo >3 và ngược lại [6].

2.3. Xử lý số liệu

Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0, sử dụng thống kê mô tả và các kiểm định Chi-squared, Fisher, T-test để phân tích mối liên quan giữa các biến.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội trên 95 sinh viên (nữ giới chiếm 86,3%). Nhóm từ 20 đến 23 tuổi chiếm 56,8%, nhóm dưới 20 tuổi (43,2%). Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $20,1 \pm 1,1$ tuổi (19 - 22 tuổi), dân tộc Kinh chiếm 96,8%. Về phân bố theo năm học, sinh viên năm nhất chiếm 42,1%, tiếp theo là năm ba (23,2%), năm hai (20%) và thấp nhất là năm tư (14,7%). Về học lực học kỳ trước, học lực Khá 75,8%, giỏi/xuất sắc chiếm 13,7%, và trung bình với 10,5%.

Bảng 3.7. Sự hài lòng của sinh viên về năng lực chuyên môn và sự phạm của giảng viên (n = 95)

Nội dung	Hài lòng		Không hài lòng	
	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giảng viên (GV) giới thiệu cho sinh viên (SV) về mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học	90	94,7	5	5,3
GV cung cấp đề cương chi tiết, bài giảng và các học liệu cần thiết cho SV ngay khi bắt đầu môn học	92	96,8	3	3,2
GV giới thiệu cho SV phương pháp học tập phù hợp với đặc thù môn học	90	94,7	5	5,3
GV thông báo cho SV về nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá khi bắt đầu môn học	92	96,8	3	3,2
Các giảng viên có trình độ kiến thức và chuyên môn cao	92	96,8	3	3,2
SV có đủ thời gian để hiểu những kiến thức đã học	93	97,9	2	2,1
Hài lòng chung (%)	88,4%		11,6%	

Bảng 3.8. Sự hài lòng của sinh viên về thái độ và hỗ trợ sinh viên của giảng viên (n = 95)

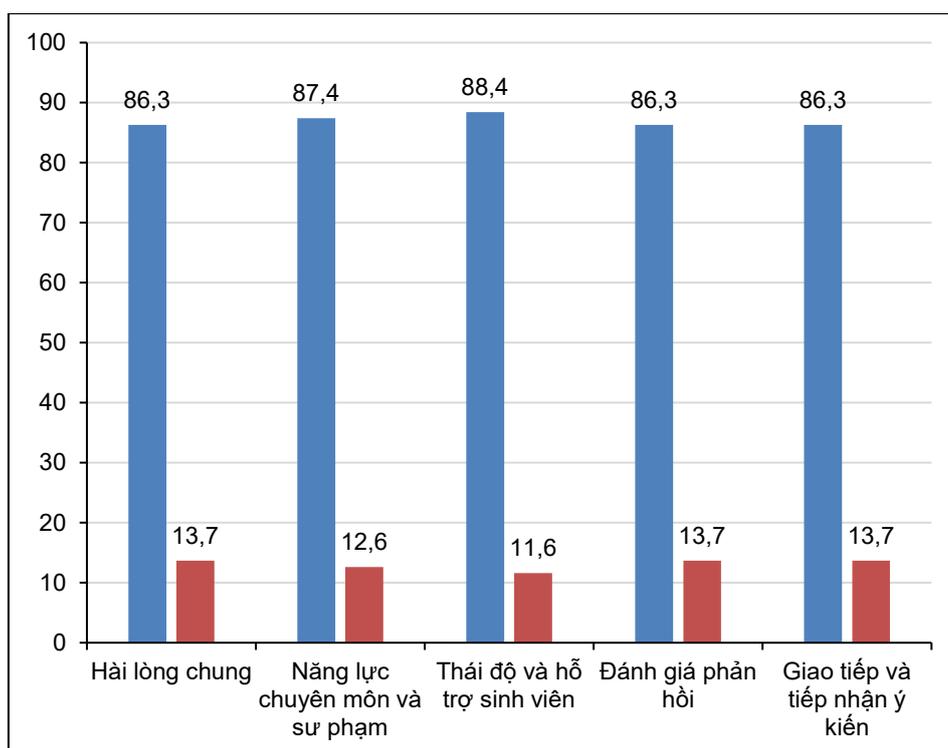
Nội dung	Hài lòng		Không hài lòng	
	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
SV có thể thoải mái bày tỏ những lo lắng trong việc học và các vấn đề khác của mình với GV	88	92,6	7	7,4
Giảng viên thân thiện	88	92,6	7	7,4
GV nhiệt tình hỗ trợ SV khi được yêu cầu	89	93,7	6	6,3
GV cố gắng hiểu được những khó khăn mà SV gặp phải trong lúc học	90	94,7	5	5,3
GV thường có mặt sau giờ học và trong giờ hành chính	92	96,8	3	3,2
GV dành thời gian để lắng nghe/ thảo luận về các vấn đề có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV	92	96,8	3	3,2
Hài lòng chung (%)	80,0%		20%	

Bảng 3.9. Sự hài lòng của sinh viên về đánh giá, phản hồi và khích lệ học tập của giảng viên (n = 95)

Nội dung	Hài lòng		Không hài lòng	
	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
GV phản hồi đầy đủ về sự tiến bộ của SV trong từng môn học	88	92,6	7	7,4
SV nhận được phản hồi chi tiết từ các GV về việc học và bài tập của mình	90	94,7	5	5,3
GV là tấm gương sáng và luôn động viên SV cố gắng hết sức	91	95,8	4	4,2
GV tạo ấn tượng chung rất tốt	92	96,8	3	3,2
Hài lòng chung (%)	78,9%		21,1%	

Bảng 3.10. Sự hài lòng của sinh viên về giao tiếp và tiếp nhận ý kiến của giảng viên (n=95)

Nội dung	Hài lòng		Không hài lòng	
	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
SV có thể thoải mái bày tỏ những lo lắng trong việc học và các vấn đề khác của mình với văn phòng khoa	87	91,6	8	8,4
Khoa công bằng và không thiên vị bất kì SV nào	87	91,6	8	8,4
Có nhiều phương thức để SV bày tỏ phàn nàn hoặc khiếu nại	91	95,8	4	4,2
Khoa thể hiện sự quan tâm đối với từng SV	91	95,8	4	4,2
Hài lòng chung (%)	75,8%		24,2%	



Biểu đồ 3.1. Sự hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Bảng 3.11. Một số yếu tố liên quan đến hài lòng hoạt động giảng dạy của giảng viên

Yếu tố	Hài lòng	n	$\bar{X} \pm SD$	p
Giới	Nam	13	4,65 ± 0,27	0,231
	Nữ	82	4,68 ± 0,49	
Tuổi	Dưới 20	41	4,72 ± 0,58	0,034
	Từ 20 - 22 tuổi	54	4,64 ± 0,36	
Dân tộc	Kinh	92	4,68 ± 0,47	0,213
	Khác	3	4,55 ± 0,15	
Năm học	Năm 1	40	4,72 ± 0,58	0,035
	Năm 2	19	4,52 ± 0,46	
	Năm 3	22	4,74 ± 0,25	
	Năm 4	14	4,64 ± 0,31	
Học lực	Giỏi/ Xuất sắc	13	4,74 ± 0,26	0,568
	Khá	72	4,66 ± 0,49	
	Trung bình	10	4,75 ± 0,51	
m việc ngoài giờ	Có	27	4,78 ± 0,22	0,298
	Không	68	4,63 ± 0,53	

4. BÀN LUẬN

4.1. Sự hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên

* *Năng lực chuyên môn và sư phạm của giảng viên*

Nhóm tiêu chí về năng lực chuyên môn và sư phạm của giảng viên được sinh viên đánh giá cao, với điểm trung bình dao động từ 4,63 đến 4,82. Tiêu chí “Giảng viên có trình độ kiến thức và chuyên môn cao” đạt điểm 4,82 - cao nhất trong toàn bộ thang đo, phản ánh sự tín nhiệm học thuật và cảm giác yên tâm của sinh viên trong quá trình học tập [9]. Bên cạnh đó, tiêu chí “Tôi có đủ thời gian để hiểu các kiến thức đã học” ($4,72 \pm 0,63$) cho thấy tốc độ giảng dạy và khối lượng nội dung được điều chỉnh hợp lý, phù hợp với đặc thù kết hợp lý thuyết và thực hành trong đào tạo Điều dưỡng. Điều này thể hiện năng lực sư phạm vững vàng của giảng viên, giúp hỗ trợ học tập sâu theo quan điểm của Biggs & Tang (2011) [8]. Ngoài ra, các tiêu chí liên quan đến việc giảng viên giới thiệu rõ ràng mục tiêu, nội dung môn học và hình thức kiểm tra cũng được đánh giá cao, thể hiện sự chuẩn bị bài bản và minh bạch, góp phần nâng cao động lực học tập nội tại của sinh viên. Mô hình “Expectancy Theory” trong giáo dục nhấn mạnh rằng sự rõ ràng về kỳ vọng giúp sinh viên chủ động hơn và tăng sự hài lòng [9].

* *Thái độ và hành vi hỗ trợ sinh viên*

Nhóm tiêu chí về thái độ và hành vi hỗ trợ sinh viên được đánh giá cao, phản ánh một môi trường học tập thân thiện, lấy

người học làm trung tâm. Tiêu chí “Giảng viên nhiệt tình hỗ trợ khi được yêu cầu” đạt điểm cao nhất nhóm (4,77), cho thấy sinh viên cảm thấy được đồng hành và hỗ trợ không chỉ về mặt học thuật mà cả về tâm lý [9]. Tiêu chí “Giảng viên dành thời gian lắng nghe và thảo luận các vấn đề ảnh hưởng đến kết quả học tập” cũng đạt điểm cao (4,74), thể hiện hiệu quả giao tiếp hai chiều trong lớp học. Tuy nhiên, tiêu chí “Giảng viên thường có mặt sau giờ học hoặc giờ hành chính” có điểm thấp nhất trong nhóm (4,59), cho thấy một số sinh viên gặp khó khăn trong việc tiếp cận giảng viên ngoài giờ. Điều này gợi ý cần triển khai thêm các kênh hỗ trợ linh hoạt như tư vấn trực tuyến hoặc lịch tư vấn định kỳ. Ngoài ra, tiêu chí “Tôi có thể thoải mái bày tỏ lo lắng với giảng viên” (4,61) cho thấy vẫn còn sinh viên e ngại chia sẻ, đặc biệt ở năm đầu. Việc tạo môi trường “an toàn tâm lý” là điều cần thiết, như nhấn mạnh trong mô hình giáo dục hỗ trợ cảm xúc [2].

* *Đánh giá, phản hồi và khích lệ học tập*

Nhóm tiêu chí về đánh giá, phản hồi và khích lệ học tập được sinh viên đánh giá cao, phản ánh vai trò tích cực của giảng viên trong việc đồng hành và truyền cảm hứng. Tiêu chí “Giảng viên là tấm gương sáng và luôn động viên sinh viên cố gắng” đạt điểm cao nhất nhóm (4,82), thể hiện vai trò mô phạm và ảnh hưởng tích cực của giảng viên trong việc định hướng thái độ học tập, đặc biệt trong lĩnh vực Điều dưỡng - nơi nhân cách nghề nghiệp rất quan trọng [4]. Tiêu chí “Tôi nhận được phản hồi chi tiết từ giảng viên” (4,74) cho thấy sinh viên cảm nhận được

sự quan tâm cá nhân, hỗ trợ học tập sâu và hiệu quả [3]. Hình ảnh tích cực của giảng viên được khẳng định qua tiêu chí “Giảng viên tạo ấn tượng tốt” (4,65). Tuy nhiên, tiêu chí “Phản hồi đầy đủ về sự tiến bộ của sinh viên” có điểm thấp nhất nhóm ($4,59 \pm 0,82$), cho thấy việc phản hồi có hệ thống và theo dõi tiến độ học tập của sinh viên vẫn cần được cải thiện. Giảng viên nên tăng cường phản hồi định kỳ, sử dụng rubric hoặc công cụ tự đánh giá để sinh viên nhận biết rõ quá trình tiến bộ của bản thân.

*** *Giao tiếp và tiếp nhận ý kiến từ phía khoa***

Nhóm tiêu chí về giao tiếp và tiếp nhận ý kiến từ phía khoa tập trung vào mối quan hệ giữa sinh viên và bộ phận hành chính/ khoa. Tiêu chí “Có nhiều phương thức để phản ánh hoặc khiếu nại” đạt điểm rất cao (4,80), cho thấy nhà trường đã xây dựng được các kênh tiếp nhận ý kiến tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, tiêu chí “Tôi có thể thoải mái bày tỏ lo lắng với văn phòng khoa” chỉ đạt 4,49 - mức thấp nhất nhóm - phản ánh sự e ngại và thiếu tin tưởng vào tính minh bạch trong xử lý phản hồi. Tương tự, tiêu chí “Khoa công bằng và không thiên vị” chỉ đạt 4,52, có thể bắt nguồn từ những cảm nhận chưa rõ ràng về chính sách học bổng, xử lý vi phạm hoặc ưu tiên khác [6]. Ngược lại, tiêu chí “Khoa thể hiện sự quan tâm tới từng sinh viên” đạt 4,60 - là điểm sáng cho thấy nỗ lực chăm sóc người học đã được ghi nhận. Nhìn chung, sinh viên hài lòng về mặt kỹ thuật và hệ thống phản hồi, nhưng vẫn còn khoảng trống

về tâm lý và niềm tin, đặt ra nhu cầu cải thiện tính minh bạch và tăng cường đối thoại cởi mở giữa khoa và sinh viên.

*** *Hài lòng chung đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên***

Kết quả nghiên cứu cho thấy 86,3% sinh viên Điều dưỡng hài lòng chung với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Tỷ lệ này phản ánh một bức tranh tích cực về chất lượng giảng dạy tại Khoa Điều dưỡng (Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội). So với nghiên cứu của Hà Nam Khánh Giao (2015) ghi nhận tỷ lệ hài lòng là 82,5% tại một trường đại học phía Bắc [3], kết quả này cho thấy môi trường giảng dạy tại Khoa Điều dưỡng (Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội) có nhiều điểm mạnh nổi bật, đặc biệt là sự gắn kết giữa giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, vẫn có 13,7% sinh viên chưa hài lòng, dù là tỷ lệ nhỏ nhưng cần được quan tâm. Biểu đồ 3.1 không chỉ minh họa mức độ hài lòng tổng thể mà còn củng cố tính nhất quán giữa đánh giá chung và các nhóm tiêu chí cụ thể, như trình độ, phản hồi, thái độ và giao tiếp.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của sinh viên với hoạt động giảng dạy

Phân tích mối liên quan giữa các yếu tố cá nhân và mức độ hài lòng cho thấy tuổi và năm học là hai yếu tố có ảnh hưởng đáng kể. Nhóm sinh viên dưới 20 tuổi có điểm hài lòng trung bình cao hơn so với nhóm từ 20 - 22 tuổi. Điều này có thể do sinh viên năm nhất còn mới mẻ, ít so sánh và thường có kỳ vọng đơn giản hơn với môi trường học tập, từ đó dễ cảm thấy hài

lòng hơn [5]. Ngược lại, sinh viên lớn tuổi hơn đã có nhiều trải nghiệm và kỳ vọng cao hơn, nên có thể đưa ra đánh giá khắt khe hơn.

Yếu tố năm học cũng có sự khác biệt rõ rệt. Sinh viên năm 2 có mức hài lòng thấp nhất, có thể do đây là giai đoạn học các môn cơ bản khô khan, ít thực hành, trong khi khối lượng học tập tăng. Sinh viên năm 3 có mức hài lòng cao nhất, phản ánh sự hứng thú với các môn học chuyên ngành, được tiếp xúc với giảng viên có kinh nghiệm và được học trong môi trường mang tính ứng dụng cao hơn. Sinh viên năm 4 có mức hài lòng giảm nhẹ so với năm 3, có thể do áp lực thực hành, thi cử và kỳ vọng tốt nghiệp khiến họ có đánh giá khắt khe hơn. Theo Van Eerde và cộng sự (1996), mức độ hài lòng bị ảnh hưởng bởi sự chênh lệch giữa kỳ vọng và trải nghiệm thực tế [9].

Trong khi đó, các yếu tố như giới tính, dân tộc, học lực và việc làm thêm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Kết quả này cho thấy cảm nhận về chất lượng giảng dạy khá đồng đều giữa các nhóm sinh viên, bất kể đặc điểm nhân khẩu học. Dù nhóm sinh viên có đi làm thêm ngoài giờ có mức hài lòng cao hơn nhẹ, nhưng sự khác biệt không đáng kể.

Tóm lại, yếu tố tuổi và năm học là hai yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên với hoạt động giảng dạy. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường và giảng viên điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy và hình thức hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng sinh viên theo giai đoạn học tập.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 95 sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2025. Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên hài lòng chung với hoạt động giảng dạy của giảng viên là 86,3%, trong các nhóm nội dung khảo sát, tỷ lệ hài lòng cao nhất thuộc về nhóm "thái độ và hỗ trợ sinh viên" (88,4%), tiếp theo là "năng lực chuyên môn và sự phạm" (87,4%), "đánh giá và phản hồi", và "giao tiếp - tiếp nhận ý kiến" đều đạt 86,3%. Các tiêu chí cụ thể như: Giảng viên có trình độ chuyên môn cao, tạo động lực học tập, nhiệt tình hỗ trợ, phản hồi chi tiết, được sinh viên đánh giá cao, với phần lớn người học chọn mức độ "rất hài lòng".

Về các yếu tố liên quan, chỉ có tuổi và năm học cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Sinh viên dưới 20 tuổi có mức độ hài lòng cao hơn so với nhóm từ 20 - 22 tuổi ($p = 0,034$), và sinh viên năm 3 có điểm hài lòng cao hơn các nhóm năm học khác ($p = 0,035$). Các yếu tố khác như giới tính, dân tộc, học lực và việc làm thêm ngoài giờ không có sự khác biệt đáng kể với mức độ hài lòng ($p > 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trường An và các cộng sự. (2021), "Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế", Tạp chí Y Dược Huế. 10(1), tr. 78-85.
2. Bộ Y tế (2021), Niên giám thống kê ngành Y tế Việt Nam năm 2020-2021, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Hà Nam Khánh Giao và Nguyễn Phạm Hạnh Phúc (2015), Sự hài lòng của sinh viên đối với

- chất lượng dịch vụ đào tạo của Khoa Du lịch trường Đại học Tài chính-Marketing giai đoạn 2010-2013, Center for Open Science.
4. Vũ Thị Hòa (2015), Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên chính quy đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông.
 5. Nguyễn Bích Như và Nguyễn Trung Hiếu (2021), "Nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của sinh viên chuyên ngành sư phạm đối với hoạt động đào tạo ở Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng", Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp. 10(4), tr. 29-37.
 6. Đoàn Minh Nhật và Hứa Nguyễn Bảo Trân (2024), "Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng gây mê hồi sức về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh", Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 7(03), tr. 72-77.
 7. Nguyễn Quân, Đặng Trần Ngọc Thanh và Trần Thụy Khánh Linh (2023), "Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch", Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 6(05), tr. 34-47.
 8. Biggs J., Tang C. và Kennedy G. (2022), Teaching for quality learning at university 5e, McGraw-hill education (UK).
 9. Dennison S. và El-Masri M. (2012), "Development and psychometric assessment of the undergraduate nursing student academic satisfaction scale (UNSASS)", Journal of Nursing Measurement. 20(2).
 10. Van Eerde W. và Thierry H. (1996), "Vroom's expectancy models and work-related criteria: A meta-analysis", Journal of applied psychology. 81(5), p. 575.